

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VÀ KỸ THUẬT GLA PLUS
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VÀ KỸ THUẬT GLA PLUS

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: GLA PLUS TECHNOLOGY AND TRADING SERVICE CORPORATION

Tên công ty viết tắt: GLA PLUS CORP

2. Mã số doanh nghiệp: 0106921963

3. Ngày thành lập: 04/08/2015

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà 5A, ngách 129/2, ngõ 129, đường Tựu Liệt, Xã Tam Hiệp, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 097.385.9412

Fax:

Email: glaplus.company@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
2.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790
3.	Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động	2814
4.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023
5.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
6.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến; Bán buôn xi măng; Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi; Bán buôn kính xây dựng; Bán buôn sơn, vécni; Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh; Bán buôn đồ ngũ kim; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;	4663
7.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
8.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh Chỉ gồm có các ngành nghề sau: Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác;	4759
9.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
10.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320

11.	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210
12.	Xây dựng công trình công ích	4220
13.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290
14.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
15.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322
16.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
17.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
18.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
19.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
20.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530
21.	Đại lý, môi giới, đấu giá Chỉ gồm có: Đại lý; môi giới;	4610
22.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống Chỉ gồm có các ngành nghề sau: - Bán buôn thóc, lúa mỳ, ngô, hạt ngũ cốc khác; - Bán buôn hoa và cây; - Bán buôn động vật sống; - Bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản;	4620
23.	Bán buôn thực phẩm Chỉ gồm có bán buôn: Thịt và các sản phẩm từ thịt; thủy sản; rau, quả; cà phê; chè; đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột; Kinh doanh thực phẩm chức năng;	4632
24.	Bán buôn đồ uống	4633
25.	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép	4641
26.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chỉ gồm có: Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác; Bán buôn dụng cụ y tế; Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh; Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự; Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm; Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao;	4649
27.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
28.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
29.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
30.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet	4791

31.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chỉ gồm có: Vận tải hàng khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh; Cho thuê xe có người lái để vận tải hành khách, hợp đồng chở khách đi tham quan, du lịch; Kinh doanh vận tải hành khách bằng ô tô theo tuyến cố định; Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng; Kinh doanh vận tải khách du lịch bằng xe ô tô;	4932
32.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
33.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chỉ gồm có các ngành nghề sau: Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa;	8299
34.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu Chỉ gồm có các ngành nghề sau: Giáo dục không xác định theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo bồi dưỡng; Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại; Các dịch vụ dạy kèm(gia sư); Giáo dục dự bị;	8559
35.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục Chỉ gồm có các ngành nghề sau: Tư vấn du học; Tư vấn giáo dục; Tổ chức các chương trình trao đổi sinh viên;	8560(Chính)
36.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chỉ gồm có: Dịch vụ tư vấn đầu tư;	6619
37.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
38.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chỉ gồm có các ngành nghề sau: - Thiết kế kết cấu công trình dân dụng và công nghiệp; - Thiết kế điện công trình; - Thiết kế cơ điện công trình; - Thiết kế cấp- thoát nước; - Thiết kế cấp nhiệt; - Thiết kế thông gió, điều hoà không khí; - Thiết kế mạng thông tin- liên lạc trong công trình xây dựng; - Thiết kế phòng cháy- chữa cháy;	7110
39.	Quảng cáo	7310
40.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
41.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chỉ gồm có: Hoạt động trang trí nội thất	7410
42.	Cho thuê xe có động cơ Chỉ gồm có các ngành nghề sau: Cho thuê xe chở khách; Cho thuê xe tải, bán romooc và xe giải trí; Dịch vụ thuê, cho thuê xe ô tô theo hợp đồng;	7710
43.	Đại lý du lịch	7911

44.	Điều hành tua du lịch Chỉ gồm có các ngành nghề sau: Kinh doanh lữ hành nội địa và lữ hành quốc tế ;	7912
45.	Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7920
46.	(Trong các ngành, nghề có trên không bao gồm: Ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh. Đối với các ngành, nghề kinh doanh có điều kiện thì pháp nhân chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo qui định pháp luật).	<i>Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam</i>

6. Vốn điều lệ: 1.800.000.000 VNĐ
Mệnh giá cổ phần: 10.000 VNĐ/Cổ phần

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	LÊ THỊ LAN ANH	Số nhà 5A, ngách 129/2, ngõ 129, đường Tựu Liệt, Xã Tam Hiệp, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	72.000	720.000.000	40	038192000125	
			Tổng số	72.000	720.000.000	40		
2	NGUYỄN HOÀNG NAM	Tiểu khu 5, Thị trấn Tĩnh Gia, Huyện Tĩnh Gia, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	9.000	90.000.000	5	172164131	
			Tổng số	9.000	90.000.000	5		
3	NGUYỄN HOÀNG GIANG	Xã Tam Hiệp, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	99.000	990.000.000	55	038085000251	
			Tổng số	99.000	990.000.000	55		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

Họ và tên: NGUYỄN HOÀNG GIANG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Ngày sinh: 30/06/1985

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 038085000251

Ngày cấp: 08/07/2015

Nơi cấp: Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà 5A, ngách 129/2, ngõ 129, đường Tựu Liệt, Xã Tam Hiệp, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại:

Số nhà 5A, ngách 129/2, ngõ 129, đường Tựu Liệt, Xã Tam Hiệp, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội